

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2025/HC-ST
Ngày: 24 - 12 - 2025
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Trịnh

Ông Đoàn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Khang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2025/TLST-HC ngày 03/4/2025, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228b/2025/QĐXXST-HC ngày 21 tháng 10 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 464/2025/QĐST-HC ngày 21 tháng 11 năm 2025, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 1152/TB-TA ngày 28 tháng 11 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 492/2025/QĐST-HC ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Văn H, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn 5, xã T, tỉnh L (Địa chỉ cũ: Thôn 5, xã T1, huyện H, tỉnh B).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn H: Ông Đỗ Trọng H2, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn T2, xã T3, tỉnh L (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/5/2025).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện H.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Trung H4 – Phó Trưởng phòng Phòng Kinh tế xã T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện H

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất số 1, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Trần Hoàng H2 – Phụ trách Ban Phát triển quỹ đất H.

+ Ông Nguyễn Phạm Quốc B – Nhân viên Ban Phát triển quỹ đất H.

2. Ông Trần Văn H3, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn 5, xã T, tỉnh L (Địa chỉ cũ: Thôn 5, xã T1, huyện H, tỉnh B).

3. Bà Võ Thị T4, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn 5, xã T, tỉnh L (Địa chỉ cũ: Thôn 5, xã T1, huyện H, tỉnh B).

Tại phiên tòa, có mặt ông Đỗ Trọng H2 và ông Nguyễn Trung H4; những người tham gia tố tụng còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Trần Văn H và người đại diện theo ủy quyền ông Đỗ Trọng H2 trình bày:

Ông Trần Văn H nhận được Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc thu hồi đất của hộ ông Trần Văn H4 (vợ là bà Lê Thị Đ) để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp T1, huyện H, tỉnh B để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; Cùng với phương án về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp T1, huyện H, tỉnh B cho hộ bà Lê Thị Đ.

Tại thời điểm nhận Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 thì mẹ ông H là bà Lê Thị Đ đã chết, ông H nhận thấy đối với tổng diện tích đất mà bà Lê Thị Đ được thông báo thu hồi đã bao gồm một phần diện tích đất của ông H được cha mẹ và các anh chị em ruột trong gia đình đồng thuận và thống nhất tặng cho ông H toàn quyền sử dụng từ năm 2000 đối với thửa đất số 88, tờ bản đồ số 2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 539027 được UBND huyện H cấp ngày 09/12/1999 đứng tên hộ ông Trần Văn H4, nay tương ứng với thửa đất số 152/68/16.747,3m² và thửa đất 153/68/4.730,2m², có tứ cận: Tây giáp đất bà Lê Thị Đ, Đông giáp đất bà Lê Thị Đ, Nam giáp đất bà Võ Thị T4 và ông Trần Văn H3, Bắc giáp đất ông Trần Văn H3. Nhưng do không am hiểu pháp luật nên ông H chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên. Từ năm 2000 đến nay, ông H là người trực tiếp quản lý, sử dụng canh tác sản xuất hoa màu trên thửa đất nêu trên, hiện trạng sử dụng đất ổn định, không xảy ra tranh chấp với bất kỳ ai.

Theo khoản 1 Điều 204 Luật Đất đai năm 2013, xét thấy các Quyết định hành chính của UBND huyện H là không đúng, chưa xác minh rõ nguồn gốc và chủ sử dụng đất thực tế trước khi ra quyết định thu hồi, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của ông H. Do đó, ông H khởi

kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Hủy Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc thu hồi đất của hộ ông Trần Văn H4 (vợ là bà Lê Thị Đ) để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp T1, huyện H, tỉnh B để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.*

- *Buộc Ủy ban nhân dân huyện H (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh L) thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất theo quy định của pháp luật.*

Quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện H trước đây, nay người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T không có ý kiến gì về vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. *Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện H, có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất số 1, tỉnh L do ông Nguyễn Phạm Quốc B đại diện theo ủy quyền trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, vì từ khi thông báo thu hồi đất đến khi thông báo phương án bồi thường, hỗ trợ, ông Trần Văn H là người đại diện cho hộ bà Lê Thị Đ ký các văn bản theo quy định, nhưng ông H không có bất kỳ khiếu nại gì về việc quy chủ sử dụng đất bị thu hồi, chỉ có ý kiến về giá.*

2. *Ông Trần Văn H3 và bà Võ Thị T4: Không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H.*

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

2. Về nội dung: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H và buộc ông H chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất số 1 – tỉnh L, ông Trần Văn H3 và bà Võ Thị T4 đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này như đề nghị của Kiểm sát viên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 157 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 01/3/2023, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 121/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Trần Văn H4 (vợ là bà Lê Thị Đ) để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp T1,

huyện H, tỉnh B để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Sau khi nhận được Quyết định số 121/QĐ-UBND nêu trên, ông Trần Văn H đã có đơn gửi Ủy ban nhân dân huyện H đề nghị xem xét xác định lại chủ sử dụng đất đối với diện tích đất bị thu hồi và được Ủy ban nhân dân huyện H chuyển đơn cho Ủy ban nhân dân xã T1 giải quyết theo Phiếu chuyển đơn số 3204/UBND-TCD ngày 28/8/2024.

Do không được trả lời đơn nên ngày 03/10/2024, ông Trần Văn H nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện H là còn thời hiệu khởi kiện và Tòa án nhân dân tỉnh B (nay là Tòa án nhân dân tỉnh L) thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 3 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khiếu kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

Ngày 01/3/2023, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 121/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Trần Văn H4 (vợ là bà Lê Thị Đ) để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp T1, huyện H, tỉnh B để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng là đúng thẩm quyền theo quy định điểm a khoản 1 Điều 16, Điều 62, điểm a khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013.

[3.2] Về nội dung của Quyết định hành chính:

Ngày 16/4/2021, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Thông báo số 287/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp T1, huyện H, tỉnh B (Thông báo số 287/TB-UBND đã được điều chỉnh tại Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 của Ủy ban nhân dân huyện H), theo đó chủ sử dụng đất là bà Lê Thị Đ là vợ của ông Trần Văn H4 (đã chết), diện tích dự kiến thu hồi 23.633,9m², vị trí thu hồi đất là thửa đất số 152, 153, 113, 176, 177, tờ bản đồ số 68.

Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 287/TB-UBND ngày 16/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện, ngày 27/10/2021, Tổ kiểm kê đã cùng với ông Trần Văn H (là con ông Trần Văn H4, bà Lê Thị Đ) đại diện hộ đến thực địa để tiến hành kiểm kê tài sản của người bị thu hồi đất có tài sản gắn liền với đất để kiểm đếm tài sản bị thu hồi theo quy định. Tại buổi kiểm đếm này, ông Trần Văn H đã phối hợp kiểm đếm cây cối, hoa màu và tài sản gắn liền với đất; đồng thời, ông H (là con - đại diện hộ) đã lập Tờ khai đất đai, tài sản nằm trong khu vực bị thu hồi đất, nội dung Tờ khai ông H khai họ và tên người bị thu hồi đất là Lê Thị Đ, diện tích thu hồi là 23.633,9m², toàn bộ diện tích đất bị thu hồi đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 539027 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 09/12/1999 cho hộ ông Trần Văn H4 (vợ là bà Lê Thị Đ).

Sau khi họp xét nguồn gốc sử dụng đất của hộ bà Lê Thị Đ, Ủy ban nhân dân xã T1 đã niêm yết danh sách kết quả họp xét nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất và tài sản trên đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T1 và trụ sở Ban Điều hành thôn trong thời hạn 07 ngày làm việc. Trong thời gian niêm yết này, ông Trần Văn H không có ý kiến khiếu nại gì.

Ngày 23/12/2023, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T1, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã T1, Chủ đầu tư thông qua phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Lê Thị Đ - vợ ông Trần Văn H4 (đã chết) tại Thông báo số 73/TB-PTQĐ ngày 16/12/2022 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện. Tại phiếu lấy ý kiến về việc thông qua dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, ông Trần Văn H là người dự và không đồng ý phương án về giá đất, không có khiếu nại gì về việc quy chủ sử dụng đất bị thu hồi.

Như vậy, kể từ khi thông báo thu hồi đất, kiểm đếm tài sản trên đất bị thu hồi để thực hiện dự án, ông Trần Văn H (là con - đại diện hộ) đều ký vào các hồ sơ xác nhận toàn bộ đất và tài sản trên đất tại các thửa đất bị thu hồi số 152, 153, 113, 176, 177, tờ bản đồ số 68 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 539027 thuộc quyền sử dụng của hộ bà Lê Thị Đ; cho đến khi thông qua phương án bồi thường, hỗ trợ thì bà Đáp cũng như ông H đều không có ý kiến khiếu nại gì về việc quy chủ sử dụng đất bị thu hồi không đúng.

[3.3] Ông Trần Văn H khởi kiện và xuất trình “Giấy xác nhận tặng cho quyền sử dụng đất” đề ngày 08/4/2020 thể hiện ông H đã được cha mẹ tặng cho các thửa đất bị thu hồi từ năm 2000 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Tuy nhiên, xem xét giấy này do gia đình ông H tự lập; Ngoài ra, không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh. Do đó, không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần Văn H là không có cơ sở để chấp nhận, như quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện ông Trần Văn H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 3 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 16, Điều 62, điểm a khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần Văn H về việc yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc thu hồi đất của hộ ông Trần Văn H4 (vợ là bà Lê Thị Đ) để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp T1, huyện H, tỉnh B để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện H (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh L) thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Buộc người khởi kiện ông Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000652 ngày 19/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B; ông Trần Văn H đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa và đương sự vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt người đại diện hợp pháp, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/12/2025); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh L;
- THADS tỉnh L;
- Lưu: hồ sơ, THC, Tổ HCTP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái